

**Bản án số: 09 /2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 06-3-2020

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Hoàng Chân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Lệ Nga**.

2. Bà **Lê Thị Mỹ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Bà **Đồng Thanh Lam** – Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2020. Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 39A tổ 2, khu phố 3, phường Vĩnh T, Tp Rạch G, tỉnh Kiên G.

Là người giám hộ cho ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số 39 tổ 2, khu phố 3, phường Vĩnh T, Tp Rạch G, tỉnh Kiên G.

**2. Bị đơn:** Bà Phạm Thị H, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 39 tổ 2, khu phố 3, phường Vĩnh T, Tp Rạch G, tỉnh Kiên G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện người giám hộ của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc M trình bày:** Trước đây ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị H tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống như vợ chồng từ năm 1979 cho đến nay, ông H và bà H không có đăng ký kết hôn.

**Lý do xin ly hôn:** Bà M trình bày thời gian đầu ông H và bà H chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì ông H có triệu chứng đau đầu, tinh thần không được minh

mẫn, lúc nhớ lúc quên, mọi sinh hoạt cá nhân đều phụ thuộc vào người khác giúp đỡ. Năm 2018 vợ ông H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá tuyên bố ông H là người mất năng lực hành vi dân sự và được Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá tuyên bố bằng quyết định số 01/1018/QĐDS-ST ngày 21/05/2018. Do không làm chủ được hành vi nên ông Hưởng thường xuyên có hành vi đánh đập ngược đãi bà H (Là mẹ chúng tôi). Bà M là người giám hộ của ông H cũng là con gái của bà Phạm Thị H thấy rằng cuộc hôn nhân của ông H và bà H kéo dài sẽ gây ra hệ lụy không mong muốn cho cả hai bên, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M, người giám hộ của ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá giải quyết cho ông H được ly hôn với bà Phạm Thị H.

Về con chung: Bà Mâu trình bày ông H và bà H chung sống sinh được 05 người con tên Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1983; Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1986; Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1991; Nguyễn Hữu P, sinh năm 1999. Hiện các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: có tạo lập được căn nhà Số 39 tổ 2, khu phố 3, phường Vĩnh T, Tp Rạch G, tỉnh Kiên G. Hiện hai vợ chồng đang ở, bà M yêu cầu đề vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Bà M trình bày ông H và bà H chung sống không có nợ ai.

**\* Bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:** Trước đây bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống như vợ chồng từ năm 1979 cho đến nay, ông H và bà H không có đăng ký kết hôn.

Bà H xác nhận do đến năm 2016 thì ông H có triệu chứng đau đầu, tinh thần không được minh mẫn, lúc nhớ lúc quên, mọi sinh hoạt cá nhân đều phụ thuộc vào người khác giúp đỡ, nhiều lần ông Hưởng ngược đãi đánh đập tôi khi không hài lòng về vấn đề gì đó, tôi thấy tình trạng hôn nhân giữa tôi và ông H không thể đi đến hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà H nhận thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với ông H nữa nên bà H thống nhất ly hôn theo yêu cầu của người giám hộ cho ông H.

Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng chung sống sinh được 05 người con tên Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1983; Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1986; Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1991; Nguyễn Hữu P, sinh năm 1999. Hiện các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tạo lập được căn nhà Số 39 tổ 2, khu phố 3, phường Vĩnh T, Tp Rạch G, tỉnh Kiên G. Hiện hai vợ chồng đang ở, bà H yêu cầu đề vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai.

Tại phiên tòa bà Mầu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu giải quyết cho ông Nguyễn Văn Hưởng ly hôn với bà Phạm Thị H. Bà H cũng thống nhất với yêu cầu của bà M.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Về thẩm quyền: Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Nguyễn Ngọc Mầu (người giám hộ ông Nguyễn Văn Hưởng) và bà Phạm Thị H là tranh chấp “Ly hôn” bị đơn có nơi cư trú tại số 39 tổ 2, khu phố 3, phường Vĩnh T, Tp Rạch G, tỉnh Kiên G. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những nội dung liên quan đến vụ án:

[2] Ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị H tự tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1979 cho tới nay, nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy ông H và bà H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng (Hôn nhân thực tế).

Bà H xác nhận cho đến năm 2016 thì ông H có triệu chứng đau đầu, tinh thần không được minh mẫn, lúc nhớ lúc quên, mọi sinh hoạt cá nhân đều phụ thuộc vào người khác giúp đỡ, nhiều lần ông H ngược đãi đánh đập bà H khi không hài lòng về vấn đề gì đó, tôi thấy tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà H không thể đi đến hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà H là người giám hộ cho ông H nhận thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với ông H nữa nên bà H yêu cầu cho ông H được ly hôn với bà H. Tại phiên tòa bà H thống nhất với lời trình bày của người giám hộ cho ông H và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H. Xét thấy trong quá trình chung sống ông H mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 56 Luật hôn nhân

gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc M (Người giám hộ cho ông Nguyễn Văn H) đối với bà Phạm Thị H.

[3] Về con chung: Bà M (giám hộ cho ông H) và bà H xác nhận giữa ông H và bà H chung sống sinh được 05 người con tên Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1983; Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1986; Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1991; Nguyễn Hữu P, sinh năm 1999. Hiện các con đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: Bà M (giám hộ cho ông H) và bà H xác nhận Ông H và bà H chung sống có tạo lập được căn nhà và đất tọa lạc tại số 39 tổ 2, khu phố 3, phường Vĩnh T, Tp Rạch G, tỉnh Kiên G. Phần tài sản này để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà M (giám hộ cho ông H) và bà H xác nhận ông H và bà H hiện nay không có nợ ai. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc M là người giám hộ cho ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu số 0001551 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch G là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 2 Điều 51; Khoản 3 Điều 56; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M (giám hộ cho ông Nguyễn Văn H) về việc yêu cầu xin ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H với bà Phạm Thị H.

Chấp nhận cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Phạm Thị H.

**2.** Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc M (giám hộ cho ông H) và bà Phạm Thị H xác nhận giữa ông H và bà H chung sống sinh được 05 người con tên Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1983; Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1986; Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1991; Nguyễn Hữu P, sinh năm 1999. Hiện các

con đã trưởng thành. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**3. Về tài sản chung:** Bà Nguyễn Ngọc M (giám hộ cho ông H) và bà Phạm Thị H xác nhận Ông H và bà H chung sống có tạo lập được căn nhà và đất tọa lạc tại số 39 tổ 2, khu phố 3, phường Vĩnh T, Tp Rạch G, tỉnh Kiên G. Phần tài sản này để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về nợ chung:** Bà Nguyễn Ngọc M (giám hộ cho ông H) và bà Phạm Thị H xác nhận Ông H và bà H hiện nay không có nợ ai. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà Nguyễn Ngọc M là người giám hộ cho ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu số 0001551 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch G là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

**6. Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/3/2020).

**Nơi nhận:**

- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Hoàng Chân**